

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

2500 -
CÔNG TY
HỮU H
DITTE
NAM
- TP. H

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Hòa	Chủ tịch
Ông Đặng Hữu Thắng	Thành viên
Ông Hoàng Tuấn Vinh	Thành viên
Ông Lê Quang Thành	Thành viên
Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Văn Khiêm	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Sơn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Trịnh Văn Khiêm
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 11 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1924-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
				(Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		305.189.638.161	216.532.280.839
I. Tiền	110	5	67.342.798.019	37.662.788.817
1. Tiền	111		67.342.798.019	37.662.788.817
II. Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	873.765.094
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	873.765.094
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.549.004.588	58.508.582.357
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	107.109.017.849	44.007.976.065
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	28.741.216.739	14.480.606.292
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	698.770.000	20.000.000
IV. Hàng tồn kho	140	9	96.946.516.866	116.936.810.106
1. Hàng tồn kho	141		96.946.516.866	116.936.810.106
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.351.318.688	2.550.334.465
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	98.985.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.351.318.688	2.451.349.465
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.752.939.398	55.639.086.365
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		890.362.000	890.362.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	890.362.000	890.362.000
II. Tài sản cố định	220		50.119.843.981	52.296.807.594
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	31.909.699.250	33.794.954.635
- Nguyên giá	222		45.261.276.185	45.261.276.185
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.351.576.935)	(11.466.321.550)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	18.210.144.731	18.501.852.959
- Nguyên giá	228		20.207.827.000	20.207.827.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.997.682.269)	(1.705.974.041)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		110.173.051	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		110.173.051	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.632.560.366	2.451.916.771
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.632.560.366	2.451.916.771
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		357.942.577.559	272.171.367.204

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014
			(Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		198.943.384.993
I. Nợ ngắn hạn	310		198.943.384.993
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	175.597.098.967
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	11.435.560.522
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.990.153.815
4. Phải trả người lao động	314		3.337.010.334
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	383.223.314
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	4.473.968.404
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.726.369.637
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.999.192.566
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	158.999.192.566
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.818.687.635
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.180.504.931
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.166.052.575
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		9.014.452.356
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		357.942.577.559
			272.171.367.204



Nguyễn Văn Lộc
 Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
 Kế toán trưởng



Trịnh Văn Khiêm
 Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/6/2015	đến 30/6/2014 (Phân loại lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.333.806.307.603	1.478.245.477.185
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	8.487.309.359	5.885.470.410
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	1.325.318.998.244	1.472.360.006.775
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	1.276.929.927.694	1.419.689.777.987
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		48.389.070.550	52.670.228.788
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	354.829.122	181.225.338
7. Chi phí tài chính	22		960.193.675	334.692.011
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.313.186	111.124.653
8. Chi phí bán hàng	25	24	17.068.788.261	16.821.835.212
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	16.268.679.986	15.950.533.307
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		14.446.237.750	19.744.393.596
11. Thu nhập khác	31		-	77.517.375
12. Lợi nhuận khác (40=31)	40		-	77.517.375
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.446.237.750	19.821.910.971
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	3.178.172.305	4.429.850.254
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		11.268.065.445	15.392.060.717
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	766	1.047

Nguyễn Văn Lộc
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Khiêm
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.446.237.750	19.821.910.971
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.176.963.613	2.539.898.870
Các khoản dự phòng (Lãi) từ hoạt động đầu tư	03	-	(1.542.810.393)
	05	(232.855.587)	(158.854.257)
Chi phí lãi vay	06	62.313.186	111.124.653
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.452.658.962	20.771.269.844
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(78.543.447.454)	1.684.709.081
Giảm hàng tồn kho	10	19.990.293.240	21.714.332.384
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	104.055.317.717	(11.085.313.891)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	918.341.405	(608.606.897)
Tiền lãi vay đã trả	14	(62.313.186)	(111.124.653)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.768.897.759)	(4.968.255.314)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.860.657.603)	(2.049.509.385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	56.181.295.322	25.347.501.169
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.507.117.051)	(6.809.391.334)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(873.765.094)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	873.765.094	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	232.855.587	158.854.257
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(400.496.370)	(7.524.302.171)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	8.966.784.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.476.500.000)	(33.418.428.935)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.624.289.750)	(12.942.543.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.100.789.750)	(37.394.188.185)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	29.680.009.202	(19.570.989.187)
Tiền đầu kỳ	60	37.662.788.817	41.883.509.047
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	67.342.798.019	22.312.519.860

Nguyễn Văn Lộc
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Khiêm
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (“Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305918852 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305918852 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) nắm giữ 75% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 67 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 68 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Bán buôn, bán lẻ các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Bán buôn thực phẩm, gạo, nông, lâm sản nguyên liệu; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa; Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, chất dùng cho khoan thăm dò và khai thác dầu khí, công nghiệp, luyện cán thép; Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón; Kinh doanh dịch vụ logistic.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có bốn (4) chi nhánh hạch toán phụ thuộc và hoạt động tại Lâm Đồng, Đồng Nai, Đắk Nông và Tây Ninh.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và báo cáo văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3. HƯỚNG DẪN MỚI VỀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	(Số năm)	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10	10
Máy móc thiết bị	5 - 8	5
Phương tiện vận tải	6	6
Thiết bị văn phòng	3 - 8	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất và thời gian sử dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Phần mềm máy tính	8
Quyền sử dụng đất	30 - 32

Thuê hoạt động

Thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	160.453.003	235.337.888
Tiền gửi ngân hàng	67.182.345.016	37.427.450.929
	67.342.798.019	37.662.788.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	24.011.935.500	-
Công ty TNHH Thủy Minh Khoa	23.483.223.095	2.286.707.545
Công ty Hoàng Long	11.982.627.927	11.231.088.831
Các khách hàng khác	47.631.231.327	30.490.179.689
	107.109.017.849	44.007.976.065
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 29)	812.781.600	4.812.506.673

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	21.252.895.332	14.358.042.182
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.257.280.000	-
Các nhà cung cấp khác	4.231.041.407	122.564.110
	28.741.216.739	14.480.606.292
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 29)	25.158.775.332	14.358.042.182

8. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi hộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	584.270.000	-
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	114.500.000	20.000.000
	698.770.000	20.000.000
b. Dài hạn		
Ký quỹ	890.362.000	890.362.000
	890.362.000	890.362.000

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.664.237.175	-	11.822.326.337	-
Hàng hóa	87.139.859.491	-	105.114.483.769	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	142.420.200	-	-	-
Cộng	96.946.516.866	-	116.936.810.106	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	28.085.572.133	11.118.539.075	4.704.327.547	1.352.837.430	45.261.276.185
Tại ngày 30/6/2015	28.085.572.133	11.118.539.075	4.704.327.547	1.352.837.430	45.261.276.185
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	6.854.998.533	1.717.953.895	1.751.745.898	1.141.623.224	11.466.321.550
Khấu hao trong kỳ	1.393.846.342	31.020.886	388.805.151	71.583.006	1.885.255.385
Tại ngày 30/6/2015	8.248.844.875	1.748.974.781	2.140.551.049	1.213.206.230	13.351.576.935
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2015	19.836.727.258	9.369.564.294	2.563.776.498	139.631.200	31.909.699.250
Tại ngày 31/12/2014	21.230.573.600	9.400.585.180	2.952.581.649	211.214.206	33.794.954.635

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao một số tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Thuyết minh số 04 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong kỳ sẽ tăng với số tiền là 367.126.241 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.061.610.480 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 767.423.724 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	20.152.577.000	55.250.000	20.207.827.000
Tại ngày 30/6/2015	20.152.577.000	55.250.000	20.207.827.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	1.650.724.041	55.250.000	1.705.974.041
Khấu hao trong kỳ	291.708.228	-	291.708.228
Tại ngày 30/6/2015	1.942.432.269	55.250.000	1.997.682.269
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	18.210.144.731	-	18.210.144.731
Tại ngày 31/12/2014	18.501.852.959	-	18.501.852.959

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà xưởng	517.656.494	869.592.229
Chi phí biển hiệu cho đại lý	647.051.700	919.620.861
Chi phí trả trước dài hạn khác	467.852.172	662.703.681
	1.632.560.366	2.451.916.771

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Baker Hughes Asia Pacific LTD.-Baker Petrolite Division	30.168.906.910	12.005.037.500
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	144.814.129.431	60.151.158.197
Các nhà cung cấp khác	614.062.626	832.290.412
	175.597.098.967	72.988.486.109
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 29)	145.076.923.023	60.610.289.521

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	3.195.037.550	1.353.779.168
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch vụ Minh Dũng	3.807.353.500	1.997.372.405
Công ty TNHH MTV Thương Mại Xuất nhập khẩu Tường Phúc	2.000.000.000	1.006.204.600
Các khách hàng khác	2.433.169.472	9.103.296.545
	11.435.560.522	13.460.652.718
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 29)	654.178.424	142.678.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014 VND	Phát sinh trong kỳ		30/6/2015 VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	7.773.726.256	7.773.726.256	-
Thuế nhập khẩu	-	37.939.051	37.939.051	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.358.425.255	3.178.172.305	3.768.897.759	1.767.699.801
Các loại thuế khác	153.786.282	1.465.497.528	1.396.829.796	222.454.014
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>153.786.282</i>	<i>1.360.728.401</i>	<i>1.292.060.669</i>	<i>222.454.014</i>
<i>Thuế khác</i>	<i>-</i>	<i>104.769.127</i>	<i>104.769.127</i>	<i>-</i>
Cộng	2.512.211.537	12.455.335.140	12.977.392.862	1.990.153.815

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Chi phí phải trả ngắn hạn thể hiện khoản phí sử dụng thương hiệu phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải trả tiền chiết khấu	3.458.086.109	-
Tiền cổ tức phải trả	554.972.000	429.261.750
Phải trả, phải nộp khác	460.910.295	233.374.651
	4.473.968.404	662.636.401
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 29)	60.000.000	-

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	125.000.000.000	6.802.729.603	4.974.062.751	22.510.180.439	159.286.972.793
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	29.569.840.172	29.569.840.172
Trích từ lợi nhuận	-	-	1.478.492.009	(5.913.968.036)	(4.435.476.027)
Trả cổ tức	-	-	-	(21.250.000.000)	(21.250.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	125.000.000.000	6.802.729.603	6.452.554.760	24.916.052.575	163.171.336.938
Phân loại lại theo Thông tư số 200/2014	-	6.452.554.760	(6.452.554.760)	-	-
Tại ngày 01/01/2015	125.000.000.000	13.255.284.363	-	24.916.052.575	163.171.336.938
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	11.268.065.445	11.268.065.445
Trích từ lợi nhuận (1)	-	563.403.272	-	(2.253.613.089)	(1.690.209.817)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	(13.750.000.000)	(13.750.000.000)
Tại ngày 30/6/2015	125.000.000.000	13.818.687.635	-	20.180.504.931	158.999.192.566

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(1): Trong kỳ, căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 39/NQ-ĐNB ngày 18 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tiến hành tạm trích Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận trong kỳ với số tiền lần lượt là 563.403.272 đồng và 1.690.209.817 đồng.

(2): Đồng thời, căn cứ vào Nghị quyết trên, Công ty cũng đã trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 bằng 11% mệnh giá cổ phần tương đương với số tiền 13.750.000.000 đồng.

Cổ phiếu

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Số lượng quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	<u>Vốn điều lệ</u>		<u>Vốn góp tại ngày 30/6/2015</u>	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	93.750.000.000	75%	93.750.000.000	75%
Cổ đông khác	31.250.000.000	25%	31.250.000.000	25%
	<u>125.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>125.000.000.000</u>	<u>100%</u>

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình tại Thuyết minh số 20 và 21.

Trong kỳ, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu phân bón	1.243.490.590.182	1.405.455.106.873
Doanh thu hóa chất	73.952.503.892	67.889.366.408
Doanh thu khác	16.363.213.529	4.901.003.904
	1.333.806.307.603	1.478.245.477.185
Chiết khấu thương mại	(8.487.309.359)	(5.885.470.410)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.325.318.998.244	1.472.360.006.775
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 29)	11.765.425.141	30.372.768.270

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Giá vốn phân bón	1.198.639.970.805	1.354.705.783.094
Giá vốn hóa chất	74.945.421.441	61.471.923.044
Giá vốn khác	3.344.535.448	3.512.071.849
	1.276.929.927.694	1.419.689.777.987

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.028.502.089	1.269.092.784
Chi phí nhân công	11.967.018.403	9.452.309.690
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.176.963.613	2.539.898.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.404.788.593	15.364.757.455
Chi phí khác	3.760.195.549	4.146.309.720
	33.337.468.247	32.772.368.519

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi tại các ngân hàng trong kỳ hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	5.062.909.436	3.745.610.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.050.909.933	8.834.942.343
Các khoản chi phí bán hàng khác	3.954.968.892	4.241.282.342
	17.068.788.261	16.821.835.212
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	6.904.108.967	5.706.699.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.056.572.006	5.698.280.272
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.307.999.013	4.545.553.872
	16.268.679.986	15.950.533.307

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	14.446.237.750	19.821.910.971
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	14.446.237.750	19.821.910.971
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.178.172.305	4.360.820.414
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước bổ sung	-	69.029.840
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.178.172.305	4.429.850.254

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.268.065.445	15.392.060.717
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	(1.690.209.817)	(2.308.305.107)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.577.855.628	13.083.755.610
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	766	1.047

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	2.142.120.000	2.142.120.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.407.344.000	4.284.240.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.430.880.000	4.541.020.000
	6.838.224.000	8.825.260.000

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 9, tầng 10, tầng 11 - Tòa nhà PVFCCo SBD Building với giá thuê 189.660.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn ba năm bốn tháng từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 đến ngày 01 tháng 02 năm 2016.

- Tổng số tiền thuê xưởng trộn hóa chất của Công ty TNHH Công nghiệp Tây Nam với tổng giá thuê 167.360.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn năm năm từ ngày 07 tháng 3 năm 2013 đến ngày 07 tháng 3 năm 2018.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	-	12.476.500.000
Trừ: Tiền	(67.342.798.019)	(37.662.788.817)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	158.999.192.566	163.171.336.938
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	67.342.798.019	37.662.788.817
Phải thu khách hàng	107.109.017.849	44.007.976.065
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	873.765.094
Tổng cộng	174.451.815.868	82.544.529.976
Công nợ tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	-	12.476.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	179.286.498.628	73.162.808.171
Chi phí phải trả	383.223.314	-
Tổng cộng	179.669.721.942	85.639.308.171

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2015			
Tiền	67.342.798.019	-	67.342.798.019
Phải thu khách hàng	107.109.017.849	-	107.109.017.849
Tổng cộng	174.451.815.868	-	174.451.815.868
30/6/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	179.286.498.628	-	179.286.498.628
Chi phí phải trả	383.223.314	-	383.223.314
Tổng cộng	179.669.721.942	-	179.669.721.942
Chênh lệch thanh khoản thuần	(5.217.906.074)	-	(5.217.906.074)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền	37.662.788.817	-	37.662.788.817
Phải thu khách hàng	44.007.976.065	-	44.007.976.065
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	873.765.094	-	873.765.094
Tổng cộng	82.544.529.976	-	82.544.529.976
31/12/2014			
Vay và nợ thuê tài chính	12.476.500.000	-	12.476.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	73.162.808.171	-	73.162.808.171
	85.639.308.171	-	85.639.308.171
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.094.778.195)	-	(3.094.778.195)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Trung	Công ty trong cùng tập đoàn
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam- Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Công ty trong cùng tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty trong cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.765.425.141	30.372.768.270
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	-	10.047.116.667
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.402.700	1.966.188.580
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	503.750.000	13.447.103.048
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.989.644.117	1.675.726.982
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	203.837.750
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Trung	-	27.000.000
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	9.267.628.324	3.005.795.243
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.024.330.924.771	1.177.015.717.572
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	259.968.528.878	124.292.531.692
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	711.984.611.147	852.337.006.471
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	-	71.547.395
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	423.809.071
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	930.537.000	650.104.000
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	-	66.400.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	2.069.527.746	2.840.143.520
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	49.377.720.000	196.334.175.423

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	933.280.267	900.352.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

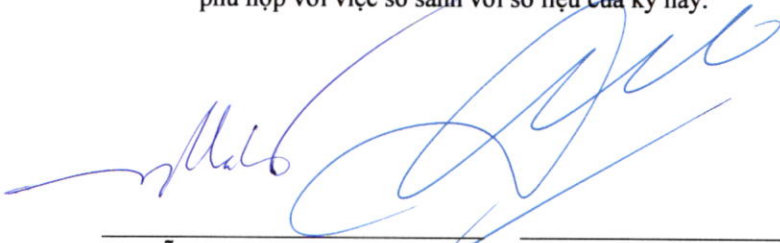
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

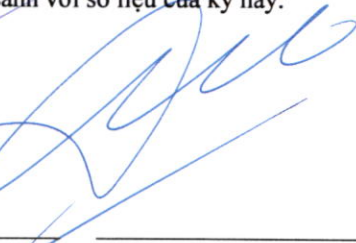
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng	812.781.600	4.812.506.673
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	687.771.000	3.794.741.673
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	125.010.600	1.017.765.000
Trả trước cho người bán	25.158.775.332	14.358.042.182
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	21.252.895.332	14.358.042.182
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	648.600.000	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.257.280.000	-
Phải thu khác		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	584.270.000	-
Phải trả người bán	145.076.923.023	60.610.289.521
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	47.464.192	305.558.124
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	144.814.129.431	60.151.158.197
Chi nhánh Tổng Công ty cổ Phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	215.329.400	153.573.200
Người mua trả tiền trước	654.178.424	142.678.424
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	142.678.424	142.678.424
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	511.500.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	60.000.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	60.000.000	-


30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán và đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.


Nguyễn Văn Lộc
Người lập biểu


Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng


Trịnh Văn Khiêm
Giám đốc



Ngày 11 tháng 8 năm 2015